

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI
Số: 11/2003/TT-BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thực hiện một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 41/2002/NĐ-CP), Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương (sau đây viết tắt là Nghị định số 03/2003/NĐ-CP), Công văn số 328/CP-ĐMDN ngày 21/3/2003 của Chính phủ về việc áp dụng Nghị định số 41/2002/NĐ-CP đối với doanh nghiệp thực hiện giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động, sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục I như sau:

"2. Các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp cơ cấu lại theo quy định tại điểm 1 nêu trên (kể cả đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp hạch toán độc lập khi chuyển thành công ty cổ phần) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận phương án sắp xếp lại lao động do cơ cấu lại trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP) đến hết ngày 31/12/2005. Đối với các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản thì lấy ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc ngày tuyên bố phá sản doanh nghiệp có hiệu lực thi hành nhưng phải trong thời gian từ ngày 26 tháng 4 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 Mục I như sau:

"3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp là cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất; quyết định chuyển đổi và đa dạng hóa sở hữu, quản lý, được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản không duyệt phương án cơ cấu lại mà căn cứ quyết định phê duyệt phương án giải thể hoặc tuyên bố phá sản doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng) do Hội đồng quản trị công ty quyết định phương án cơ cấu lại theo Điều lệ của công ty và có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan xác nhận là Bộ, ngành đối với doanh nghiệp Bộ, ngành Trung ương quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp địa phương quản lý; Hội đồng quản trị Tổng công ty 91 đối với doanh nghiệp do Tổng công ty quản lý".

3. Bổ sung điểm 6 vào Mục I như sau:

"6. Thời điểm tuyển dụng đối với người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

Đối với người lao động làm việc liên tục trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính từ ngày bắt đầu làm việc trong khu vực nhà nước.

Trường hợp người lao động có thời gian không làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính là thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng làm việc liên tục trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A có quá trình làm việc như sau:

Giai đoạn 1: Ngày 20/6/1976 được tuyển dụng vào làm việc (lần đầu tiên) trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày 20/6/1992.

Giai đoạn 2: Ngày 01/7/1992 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và làm việc liên tục đến ngày 15/9/1995.

Giai đoạn 3: Ngày 25/10/1995 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày doanh nghiệp này thực hiện cơ cấu lại và có quyết định nghỉ việc.

Như vậy, thời điểm tuyển dụng vào khu vực nhà nước của Bà Nguyễn Thị A được tính thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng là ngày 25/10/1995".

4. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 1 Mục II như sau:

"a) Người lao động đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên được nghỉ hưu, không phải trừ phần trăm lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

a1) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi. Trường hợp có tháng lẻ được tính trợ cấp như sau:

Nếu đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

Nếu trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

a2) Trợ cấp 05 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

a3) Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có). Trường hợp có tháng lẻ được tính theo nguyên tắc trên 6 tháng được tính là một năm, đủ 6 tháng trở xuống không được tính.

Thời gian để tính các khoản trợ cấp hưởng thêm theo quy định tại a2, a3 tiết a điểm 1 Mục này được căn cứ vào thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc trong khu vực nhà nước được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội) theo quy định của pháp luật và được tính đến ngày có quyết định nghỉ việc.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP là tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 26/P ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang. Trường hợp người lao động chưa chuyển xếp lương thì thực hiện chuyển xếp lương theo quy định tại các Nghị định nêu trên.

Các khoản phụ cấp được tính (nếu có) bao gồm: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng, tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các khoản trợ cấp cho đối tượng quy định tại tiết a điểm 1 Mục này là mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định (hiện nay là 290.000 đồng/tháng).

Ví dụ 1: ông Nguyễn Văn A công nhân sửa chữa ô tô, tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 56 tuổi 4 tháng; có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 25 năm 8 tháng; hệ số lương cấp bậc đang hưởng 2,84 (bậc 6, nhóm mức lương II, thuộc thang lương A.1 công nhân, điện, điện tử - tin học); phụ cấp khu vực 0,5; tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng. Ông A được hưởng chế độ như sau:

Tỷ lệ lương hưu được tính:

15 năm đầu tính bằng 45%;

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 26 là 11 năm (25 năm 8 tháng được tính là 26 năm theo quy định tại Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003).

(11 năm x 2% - 22%);

Tỷ lệ % lương hưu là: 45% + 22% = 67%.

Tiền trợ cấp do về hưu trước tuổi:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương 1 tháng: 290.000 đồng x (2,84 + 0,5) - 968.600 đồng.

Số tháng lương được hưởng chế độ trợ cấp:

Nghỉ hưu trước tuổi 3 năm 8 tháng: (3 năm x 3 tháng/năm + 2 tháng)	= 11 tháng
Có 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội	= 5 tháng
Từ năm thứ 21 trở đi có đóng bảo hiểm xã hội	= 3 tháng
(5 năm 8 tháng tính thành 6 năm x 1/2)	
Cộng	= 19 tháng

Số tiền được nhận trợ cấp: 18.403.400 đồng (968.600 đồng/tháng x 19 tháng)".

5. Sửa đổi, bổ sung tiết c điểm 1 Mục II như sau:

"c) Người lao động dôi dư không thuộc đối tượng quy định tại tiết a và tiết b điểm 1 nêu trên, thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và hưởng chế độ như sau:

c1) Trợ cấp mất việc làm được tính theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền lương, phụ cấp lương đang hưởng.

c2) Được trợ cấp thêm 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước và được trợ cấp một lần với mức 5 (năm) triệu đồng.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, bao gồm:

Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là trong khu vực nhà nước);

Mọi thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (thời gian đào tạo, công tác, nghỉ ốm đau, thai sản...);

Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật;

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp;

Thời gian được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước được (cộng dồn) và tính từ thời điểm bắt đầu làm việc lần đầu tiên đến thời điểm có quyết định nghỉ việc. Trong tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước phải trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, chế độ xuất ngũ hoặc phục viên.

Nếu thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước có tháng lẻ được quy định như sau:

Dưới 1 tháng không được tính;

Từ đủ 1 tháng đến dưới 7 tháng được tính bằng 6 tháng thực tế làm việc

Từ đủ 7 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 1 năm thực tế làm việc.

c3) Trợ cấp một lần đi tìm việc làm là 6 (sáu) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng. Nếu có nhu cầu học nghề thì được học nghề miễn phí tối đa là 6 tháng. Cơ sở học nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định.

Ngoài các chế độ quy định tại c1, c2, c3 tiết c điểm 1 Mục này, người lao động còn được hưởng chế độ chờ nghỉ hưu; bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội; hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định hiện hành.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 4 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được áp dụng theo quy định tại tiết a điểm 1 Mục II của Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ tính chế độ đối với các đối tượng nêu tại tiết c điểm 1 và điểm 2 Mục II Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH, được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương, quy định cụ thể như sau:

Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc trước ngày 01/01/2003, được tính theo mức lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng.

Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc từ ngày 01/01/2003 trở đi được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng; trợ cấp đi tìm việc làm, 70% tiền lương cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng.

Trường hợp có tháng lẻ được tính theo quy định tại tiết c điểm 1 Mục II Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung cho từng giai đoạn.

Ví dụ 4: ông Nguyễn Văn D công nhân sửa chữa đầu tàu hỏa và toa xe, tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 54 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 30 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 1 năm 2 tháng); có hệ số lương 3,05 (bậc 6 nhóm mức lương III, thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử, tin học). Ông D được hưởng chế độ như sau:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003.

$210.000 \text{ đồng} \times 3,05 = 640.500 \text{ đồng}$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003

$290.000 \text{ đồng} \times 3,05 = 884.500 \text{ đồng}$

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là 29 năm 5 tháng, tính quy đổi tháng lẻ là 29 năm 6 tháng thực tế làm việc.

$640.500 \text{ đ/tháng} \times 29,5 \text{ tháng} = 18.894.750 \text{ đồng}$

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là 1 năm 2 tháng, tính quy đổi tháng lẻ là 1 năm 6 tháng thực tế làm việc.

$884.500 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.326.750 \text{ đồng}$

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 20.221.500 đồng

$(18.894.750 \text{ đồng} + 1.326.750 \text{ đồng})$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003.

$640.500\text{đ}/\text{tháng} \times 29,5 \text{ tháng} = 18.894.750 \text{ đồng}$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$884.500 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.326.750 \text{ đồng}$

Tổng số tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc: 20.221.500 đồng (18.894.750 đồng + 1.326.750 đồng)

Tiền trợ cấp một lần: 5.000.000 đồng

Tiền trợ cấp đi tìm việc làm:

$884.500 \text{ đ}/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 5.307.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền được nhận: 50.750.000 đồng (20.221.500 đ + 20.221.500 đ + 5.000.000 đ + 5.307.000 đ).

Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn E công nhân xây dựng đường giao thông tại thời điểm có quyết định nghỉ việc đã đủ 54 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 27 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 2 năm 3 tháng); có hệ số lương 3,45 (bậc 7, nhóm mức lương II, thang lương A.6 xây dựng cơ bản). Ông E đã hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm là 15 năm. Ông E được hưởng chế độ như sau:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003

$210.000 \text{ đồng} \times 3,45 = 724.500 \text{ đồng}$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003

$290.000 \text{ đồng} \times 3,45 = 1.000.500 \text{ đồng}$

Thời gian thực tế làm việc được hưởng chế độ trợ cấp:

27 năm 7 tháng - 15 năm = 12 năm 7 tháng

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003.

$724.500 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 10,5 \text{ tháng} = 7.607.250 \text{ đồng}$

Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003.

$1.000.500 \text{ đồng} \times 2,5 \text{ tháng} = 2.501.250 \text{ đồng}$

Tổng số tiền trợ cấp mất việc làm: 10.108.500 đồng (7.607.250 đồng + 2.501.250 đồng)

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003

$724.500 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 10,5 \text{ tháng} = 7.607.250 \text{ đồng}$

Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003

$1.000.500 \text{ đồng} \times 2,5 \text{ tháng} = 2.501.250 \text{ đồng}$

Tổng số tiền trợ cấp thêm theo thời gian thực tế làm việc: 10.108.500 đồng (7.607.250 đồng + 2.501.250 đồng).

Tiền trợ cấp một lần là: 5.000.000 đồng

Tiền trợ cấp đi tìm việc làm là:

$1.000.500 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} = 6.003.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền được nhận: 31.220.000 đồng (10.108.500 đ + 10.108.500 đ + 5.000.000 đ + 6.003.000 đ).

Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

c4) Người lao động còn thiếu tối đa 05 năm tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động (nam đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi, nữ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi) và đã đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, nay quy định cụ thể như sau:

Được hưởng chính sách theo quy định tại c1, c2 tiết c điểm 1 Mục II của Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung.